|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  **TRƯỜNG ĐH THỦ ĐÔ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐẠI HỌC  
Ngành: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHTĐHN, ngày / /2019   
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)*

**1. Thông tin chung**

- Ngành đào tạo: **Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng**

- Trình độ đào tạo: **Đại học**

- Tên văn bằng tốt nghiệp: **Cử nhân**

+ Tiếng Việt: ***Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng***

+ Tiếng Anh: ***Bachelor of Logistics and Supply Chain Management***

- Thời gian đào tạo chuẩn: **4 năm**

- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**

*Đối tượng người học:* Là học sinh THPT đáp ứng yêu cầu tuyển sinh đại học được tuyển vào ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

**2. Chuẩn đầu ra:** Sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng trình độ Đại học, sau khi tốt nghiệp phải đạt những tiêu chuẩn sau:

***2.1. Chuẩn phẩm chất***

|  |  |
| --- | --- |
| **Phẩm chất** | ***Giá trị đặc trưng*** |
| Phẩm chất công dân toàn cầu | Tôn trọng sự khác biệt về chủng tộc, tôn giáo, văn hóa, quốc gia, dân tộc giữa các cộng đồng khác nhau. |
| Biết cách thể hiện các giá trị cá nhân, độc lập, tự chủ và tôn trọng giá trị cá nhân, quyền con người của người khác. |
| Có hiểu biết về cơ chế kết nối, quản trị thế giới giữa các quốc gia, giữa các cộng đồng, hiểu biết và tôn trọng những giá trị tinh hoa của thế giới. |
| Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường. |
| Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế. |
| Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa. |
| Phẩm chất công dân Việt Nam | Yêu nước, trung thành với Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.  Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và lí tưởng cách mạng của Đảng. |
| Sống, làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. |
| Có tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, có ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc; sống trung thực, nhân ái, có trách nhiệm và hành động vì cộng đồng. |
| Có ý thức xây dựng và quảng bá hình ảnh tốt đẹp về đất nước, con người Việt Nam với thế giới. |
| Phẩm chất công dân Thủ đô | Có tinh thần thực hiện nếp sống văn minh, thanh lịch của người Hà Nội; thực hiện tốt các quy tắc ứng xử nơi công cộng, công sở của Hà Nội. |
| Có ý thức tự hào, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa, nhân văn của Thăng Long - Hà Nội; có ý thức quảng bá hình ảnh tốt đẹp về Thủ đô Hà Nội với nhân dân trong nước và khách Quốc tế. |
| Chủ động thích ứng với những biến đổi, phát triển về kinh tế - văn hóa - xã hội của Thủ đô Hà Nội. |
| Phẩm chất phục vụ nghề nghiệp | Yêu nghề, tự hào về nghề, sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ. |
| Chấp hành các Quy chế, Quy định của chuyên môn, chú tâm nghiên cứu và có giải pháp thực hiện tối ưu hóa mọi nguồn lực trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng. |
| Thái độ lao động đúng mực, hoàn thành các nhiệm vụ được phân công, thường xuyên cải tiến, sáng tạo trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng. |
| Chịu trách nhiệm về chất lượng công việc do mình đảm nhiệm. |
| Có ý thức cầu tiến, thường xuyên thay đổi phương pháp, cách thức tiến hành công việc sao cho luôn hoàn thành nhiệm vụ phân công một cách tốt nhất. |
| Phẩm chất  chuyên môn | Có tác phong làm việc khoa học, có tư duy kinh doanh đúng đắn. |
| Thẳng thắn, trung thực trong công việc; đoàn kết trong quan hệ đồng nghiệp; có thái độ giao tiếp phù hợp với chức trách, nhiệm vụ. |
| Có tinh thần tự học, phấn đấu nâng cao trình độ chuyên môn, kiên trì, sáng tạo trong quá trình làm việc. |

***2.2. Chuẩn năng lực của sinh viên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên năng lực** | **Biểu hiện của năng lực** | **Thang đo năng lực** |
| Ngoại ngữ | - Có thể hiểu được những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày.  - Có thể xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học, kể cả các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến. | Năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT- BGDĐT |
| - Có thể sử dụng ngôn ngữ đơn giản để giải quyết hầu hết các tình huống có thể phát sinh trong khi đi du lịch.  - Có thể giao tiếp tương đối tự tin về những vấn đề quen thuộc và không quen thuộc liên quan tới lĩnh vực chuyên môn hoặc quan tâm của mình. Có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, xử lí các tình huống ít gặp và giải quyết vấn đề.  - Có thể bày tỏ suy nghĩ về những chủ đề văn hóa, có tính trừu tượng như phim ảnh, âm nhạc. |
| Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình. |
| Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc. |
| Soạn thảo văn bản, hợp đồng, chứng từ theo yêu cầu chuyên môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng để xử lý các vấn đề liên quan đến công việc. |
| Công nghệ thông tin | Sử dụng thành thạo máy tính với các hệ điều hành và phần mềm ứng dụng phổ biến, đặc biệt là các công cụ tính toán, thống kê, phân tích,… | Đạt năng lực chuẩn kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT |
| Sử dụng thành thạo một số dịch vụ Internet; tiếp cận được với môi trường làm việc trực tuyến sử dụng công nghệ hiện đại. |
| Biết cách đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin khi sử dụng máy tính và các dịch vụ mạng. |
| Tôn trọng quyền riêng tư, bản quyền và quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm Công nghệ thông tin. |
| Tự học, tự nghiên cứu nhằm thích ứng với sự thay đổi rất nhanh trong lĩnh vực công nghệ thông tin. |
| Sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn, cụ thể là trong các lĩnh vực quản lý giao nhận, vận tải quốc tế, quản lý kho hàng, quản lý chuỗi cung ứng. |
| **Năng lực chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng** | | Thang đo năng lực |
| Năng lực chung về logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Nắm vững kiến thức chung về khoa học tự nhiên, kinh tế học và kiến thức chuyên ngành | 2 |
| Hiểu rõ các yếu tố pháp lý trong hoạt động logistics và có khả năng vận dụng trong công việc. | 2 |
| Sử dụng kinh tế lượng phục vụ hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. | 3 |
| Biết phương pháp thực hiện các chức năng quản lý chuỗi cung ứng | 3 |
| Biết cách ra quyết định, chỉ đạo và điều phối trong một tổ chức. | 3 |
| Có thể phụ trách một phần công việc trong toàn bộ chuỗi cung ứng | 3 |
| Năng lực quản trị vận tải | Lập kế hoạch vận tải hàng hóa | 3 |
| Điều hành dịch vụ vận tải trong nước và quốc tế |  |
| Lập kế hoạch và triển khai thực hiện các dịch vụ bổ trợ | 3 |
| Phân tích, đánh giá các hoạt động vận tải. | 2 |
| Năng lực quản trị kho bãi | Lập kế hoạch dịch vụ kho, bãi và lưu giữ hàng hóa và các dịch vụ bổ trợ | 3 |
| Vận hành dịch vụ kho bãi và các dịch vụ bổ trợ | 3 |
| Phân tích, đánh giá hiệu quả của công tác quản trị kho bãi và đề xuất công tác nâng cao hiệu quả hoạt động. | 2 |
| Năng lực xử lý các thủ tục xuất nhập khẩu, hải quan | Lập kế hoạch dịch vụ xuất nhập khẩu, hải quan | 3 |
| Thực hiện Dịch vụ thông quan. | 3 |
| Phân tích đánh giá được hiệu quả và đề xuất phương án xử lý nâng cao hiệu quả công việc. | 2 |
| Năng lực quản trị chuỗi cung ứng | Thiết kế chuỗi cung ứng. | 3 |
| Lập kế hoạch hoạt động chuỗi cung ứng. | 3 |
| Điều hành chuỗi cung ứng. | 3 |
| Thiết lập hệ thống đo lường thu thập dữ liệu. | 3 |
| Đề xuất các phương án quản lý nâng cao hiệu suất, hiệu quả vận hành logistics và chuỗi cung ứng. | 3 |

*Chú giải Thang trình độ năng lực (TĐNL):*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TĐNL** | **Yêu cầu về năng lực** | **Mô tả** |
| **1** | **Hiểu** | Thông hiểu, diễn đạt chính xác, đủ, đảm bảo thông tin chính xác.  Người học nhớ các khái niệm cơ bản, có thể nêu lên hoặc nhận ra chúng khi được yêu cầu.  Người học hiểu các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng khi chúng được thể hiện theo các cách tương tự như cách người dạy đã giảng hoặc như các ví dụ tiêu biểu về chúng trên lớp học. |
| **2** | **Vận dụng bậc thấp** | Vận dụng được các kiến thức để giải quyết công việc chính xác, khoa học.  Người học tạo ra được sự liên kết logic giữa các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng để tổ chức lại các thông tin đã được trình bày giống với bài giảng hoặc tài liệu học tập. |
| **3** | **Vận dụng bậc cao** | Vận dụng các năng lực độc lập để giải quyết các công việc phức tạp dưới hình thức kết hợp phân tích, tổng hợp, sáng tạo, đánh giá quá trình giải quyết công việc.  Người học có thể sử dụng các khái niệm về môn học + chủ đề để giải quyết các vấn đề mới, không giống với những điều đã được học hoặc trình bày trong tài liệu học tập, là những tình huống có tính xã hội cao. |

**3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môi trường làm việc** | **Nghể nghiệp đặc trưng** | | | |
| Giảng viên | Chuyên gia tư vấn | Nhân viên/chuyên viên về logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Lãnh đạo, nhà quản lý ở cơ quan, ban ngành |
| Cở sở giáo dục và đào tạo về logistics và quản lý chuỗi cung ứng | **x** |  |  | **x** |
| Các viện nghiên cứu khoa học về logistics và quản lý chuỗi cung ứng |  | **x** |  | **x** |
| Các cơ quan tham mưu, hoạch định chiến lược, chính sách của Nhà nước về logistics và quản lý chuỗi cung ứng |  | **x** | **x** | **x** |
| Các sở, phòng ban về thuế, hải quan, xuất nhập khẩu |  | **x** | **x** | **x** |
| Các doanh nghiệp dịch vụ/sản xuất về logistics và chuỗi cung ứng trong và ngoài nước |  |  | **x** |  |

**4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường**

+ Tiếp tục học sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong và ngoài nước.

+ Học đại học văn bằng 2 ở các ngành phù hợp.

**5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo**

+ Chương trình đào tạo chuyên ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng của Viện nghiên cứu và phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

+ Chương trình đào tạo chuyên ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng của trường Đại học Hàng Hải Việt Nam.

+ Chương trình đào tạo ngành Quản trị chuỗi cung ứng của Đại học Kinh tế Đà Nẵng

+ Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo QĐ của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

+ Bộ chuẩn đầu ra ngành đào tạo của Trường Đại học Quốc Tế+ Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế + Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tuyên bố và chương trình chuẩn đầu ra các ngành đào tạo của trường Đại học Hàng Hải Việt Nam.

+ Chương trình đào tạo cử nhân logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Đại học Curtin Singapore.

+ Chương trình đào tạo cử nhân logistics và quản trị chuỗi cung ứng, Đại học Universite De Liege ( Vương Quốc Bỉ).

+ Chương trình đào tạo chứng chỉ FIATA về Giao nhận vận tải quốc tế và Quản lý chuỗi cung ứng.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Luật Thủ đô.

2. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn Thành phố.

4. Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức người lao động trong các cơ quan thuộc thành phố Hà Nội.

5. Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy chế xét tặng danh hiệu “Công dân Thủ đô ưu tú”.

6. Unesco.org/Global citizenship education.